

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Công văn số 4409/VPCP-KTTH ngày 07/07/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị triển khai thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Chánh văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCKNN;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

QUY CHẾ

Tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/2008/QĐ-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết bao gồm cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sau đây viết tắt là TTGDCK), chứng khoán của các công ty đại chúng huỷ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là SGDCK).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Tổ chức đăng ký giao dịch** là công ty đại chúng có chứng khoán đăng ký giao dịch tại TTGDCK.
2. **Hệ thống đăng ký giao dịch** là hệ thống giao dịch chứng khoán của các tổ chức đăng ký giao dịch tại TTGDCK.
3. **Thành viên hệ thống đăng ký giao dịch** (sau đây gọi tắt là thành viên) là công ty chứng khoán được TTGDCK chấp thuận cho phép tham gia thực hiện các giao dịch trên hệ thống đăng ký giao dịch của TTGDCK.
4. **Cam kết hỗ trợ** là việc thành viên cam kết và thực hiện cam kết với công ty đại chúng trong việc thay mặt công ty đại chúng thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch chứng khoán vào hệ thống đăng ký giao dịch của TTGDCK và cam kết hỗ trợ tổ chức đăng ký giao dịch trong việc thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
5. **Tổ chức cam kết hỗ trợ** là thành viên có trách nhiệm hỗ trợ đối với tổ chức thực hiện đăng ký giao dịch.
6. **Đại diện giao dịch của thành viên tại TTGDCK** (gọi tắt là đại diện giao dịch) là nhân viên do thành viên cử, được TTGDCK chấp thuận cấp thẻ đại diện giao dịch và cho phép đại diện cho thành viên nhập lệnh trên hệ thống đăng ký giao dịch của TTGDCK.

Điều 3. Chứng khoán đăng ký giao dịch

Chứng khoán đăng ký giao dịch tại TTGDCK bao gồm cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi được chấp thuận đăng ký giao dịch tại TTGDCK.

Điều 4. Thành viên

1. Thành viên phải tuân thủ các quy định về thành viên hệ thống đăng ký giao dịch do TTGDCK ban hành.

2. Thành viên là tổ chức cam kết hỗ trợ cho chứng khoán của tổ chức đăng ký giao dịch nào thì có trách nhiệm hỗ trợ tổ chức đăng ký giao dịch đó trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

Điều 5. Tổ chức giao dịch

Giao dịch chứng khoán được thực hiện qua thành viên; thông tin về giao dịch phải được báo qua hệ thống đăng ký giao dịch của TTGDCK để tổng hợp và đưa ra kết quả giao dịch chung.

Điều 6. Công bố thông tin

1. Công ty đại chúng, thành viên và TTGDCK có nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định tại Mục 3 Chương II Quy chế này.

2. Các công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại TTGDCK phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của nội dung thông tin được công bố. Tổ chức cam kết hỗ trợ cho chứng khoán của công ty đại chúng phải chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến việc công bố thông tin của công ty đại chúng.

3. TTGDCK quy định cụ thể về việc tổ chức thực hiện công bố thông tin của các công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại TTGDCK.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Điều 7. Điều kiện đăng ký giao dịch

Chứng khoán được đăng ký giao dịch tại TTGDCK khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Là chứng khoán của công ty đại chúng theo quy định tại Điều 25 Luật Chứng khoán chưa niêm yết hoặc đã bị huỷ niêm yết tại TTGDCK hoặc SGDCK.

2. Là chứng khoán đã được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (sau đây viết tắt là TTLKCK).

3. Được một (01) thành viên cam kết hỗ trợ.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký giao dịch

Hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết bao gồm các tài liệu sau:

1. Giấy đề nghị đăng ký giao dịch chứng khoán tại TTGDCK (theo mẫu tại Phụ lục Ia hoặc Ib ban hành kèm theo Quy chế này);
2. Hợp đồng cam kết hỗ trợ theo mẫu do TTGDCK quy định, trừ trường hợp thành viên làm thủ tục đăng ký giao dịch cho chứng khoán của chính công ty mình;
3. Bản công bố thông tin (theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này);
4. Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán do TTLKCK cấp.

Điều 9. Thủ tục đăng ký giao dịch và hủy bỏ đăng ký giao dịch

1. Đối với công ty đã đăng ký là công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN) trước ngày Quy chế này có hiệu lực phải tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký chứng khoán với TTLKCK trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

2. Đối với công ty đăng ký là công ty đại chúng với UBCKNN sau ngày Quy chế này có hiệu lực thì phải thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán với TTLKCK trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày đăng ký là công ty đại chúng với UBCKNN.

3. TTGDCK quy định cụ thể về thủ tục đăng ký giao dịch và hủy bỏ đăng ký giao dịch.

Điều 10. Tổ chức cam kết hỗ trợ

1. Tổ chức cam kết hỗ trợ phải ký hợp đồng cam kết hỗ trợ với tổ chức đăng ký giao dịch theo mẫu do TTGDCK ban hành.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ có các nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về việc chứng khoán của công ty đại chúng do mình cam kết hỗ trợ đủ điều kiện, theo quy định của pháp luật và quy chế này, để đưa vào hệ thống đăng ký giao dịch của TTGDCK;

b) Thay mặt công ty đại chúng do mình cam kết hỗ trợ thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch chứng khoán vào hệ thống đăng ký giao dịch của TTGDCK.

c) Hỗ trợ tổ chức đăng ký giao dịch do mình cam kết hỗ trợ trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định:

- Thường xuyên đôn đốc tổ chức đăng ký giao dịch do mình cam kết hỗ trợ thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ tổ chức đăng ký giao dịch do mình cam kết hỗ trợ về cách thức, nội dung công bố thông tin khi có yêu cầu của tổ chức đăng ký giao dịch;

- Công bố trên trang thông tin điện tử của mình những thông tin công bố của công ty đại chúng do mình cam kết hỗ trợ.

d) Trong trường hợp tổ chức cam kết hỗ trợ đã thực hiện trách nhiệm hỗ trợ tổ chức đăng ký giao dịch do mình cam kết hỗ trợ thực hiện công bố thông tin mà tổ chức đăng ký giao dịch đó vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ công bố thông tin, thì trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm thông tin cần phải được công bố theo quy định của pháp luật, tổ chức cam kết hỗ trợ phải có văn bản báo cáo UBCKNN, TTGDCK về vấn đề này kèm theo những tài liệu chứng minh về việc thực hiện đúng trách nhiệm cam kết hỗ trợ của mình.

đ) Tổ chức cam kết hỗ trợ phải báo cáo TTGDCK trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm chấm dứt làm tổ chức cam kết hỗ trợ cho tổ chức đăng ký giao dịch hoặc được ký hợp đồng làm tổ chức cam kết hỗ trợ mới cho tổ chức đăng ký giao dịch.

Mục 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 11. Thời gian giao dịch

TTGDCK tổ chức giao dịch trên hệ thống đăng ký giao dịch từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định trong Bộ luật Lao động. Thời gian giao dịch hàng ngày do TTGDCK quy định sau khi được UBCKNN chấp thuận. TTGDCK quyết định thay đổi thời gian giao dịch hàng ngày trong trường hợp cần thiết sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 12. Tạm ngừng hoạt động giao dịch

1. TTGDCK tạm ngừng hoạt động giao dịch trong trường hợp:

a) Giao dịch không thể thực hiện được như thường lệ do hệ thống đăng ký giao dịch của TTGDCK có sự cố;

b) Khi có một phần tư (1/4) số thành viên trở lên bị sự cố về hệ thống chuyên lệnh giao dịch;

c) UBCKNN yêu cầu TTGDCK ngừng giao dịch để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư hoặc bảo vệ nền kinh tế quốc dân;

d) Các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn hay các sự cố khách quan khác.

2. Hoạt động giao dịch được tiếp tục ngay sau khi các sự kiện trên được khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục thì phiên giao dịch được coi là kết thúc tại thời điểm hoàn tất giao dịch cuối cùng trước đó.

Điều 13. Tạm ngừng giao dịch chứng khoán đăng ký giao dịch

1. TTGDCK xem xét tạm ngừng giao dịch chứng khoán đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường;
- b) Tổ chức đăng ký giao dịch vi phạm nghiêm trọng các quy định về công bố thông tin;
- c) Thực hiện việc tách, gộp cổ phiếu; tách, sáp nhập doanh nghiệp;
- d) Theo yêu cầu của tổ chức đăng ký giao dịch khi có thông tin chưa công bố có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của tổ chức đăng ký giao dịch;
- đ) Tổ chức đăng ký giao dịch kết thúc hợp đồng cam kết hỗ trợ với tổ chức cam kết hỗ trợ mà chưa ký hợp đồng cam kết hỗ trợ với tổ chức thay thế;
- e) Trong trường hợp khác cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư hoặc đảm bảo ổn định của thị trường.

2. Trong trường hợp cần thiết phải tạm ngừng giao dịch, TTGDCK có công văn thông báo việc tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch và thực hiện công bố thông tin về việc tạm ngừng giao dịch trên các phương tiện công bố thông tin của TTGDCK.

3. Tổ chức đăng ký giao dịch có chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch phải giải trình, công bố thông tin theo yêu cầu của TTGDCK.

Điều 14. Phương thức giao dịch

1. TTGDCK áp dụng phương thức giao dịch thỏa thuận đối với các giao dịch của chứng khoán trên hệ thống đăng ký giao dịch. Phương thức giao dịch thỏa thuận bao gồm hai hình thức:

a) *Thỏa thuận điện tử* là hình thức giao dịch trong đó đại diện giao dịch nhập lệnh với các điều kiện giao dịch đã được xác định và lựa chọn lệnh đối ứng phù hợp để thực hiện giao dịch;

b) *Thỏa thuận thông thường* là hình thức giao dịch trong đó bên mua, bên bán tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch và được đại diện giao dịch nhập thông tin vào hệ thống đăng ký giao dịch để xác nhận giao dịch này.

2. Đối với hình thức giao dịch thỏa thuận điện tử, thành viên có trách nhiệm thực hiện ngay lệnh của nhà đầu tư trong thời gian giao dịch của TTGDCK. Trường hợp không có lệnh đối ứng phù hợp để thực hiện, thành

viên phải nhập lệnh ngay vào hệ thống đăng ký giao dịch theo thứ tự ưu tiên về thời gian.

3. Đối với hình thức giao dịch thoả thuận thông thường, thành viên có trách nhiệm chuyển ngay kết quả giao dịch đã được thoả thuận vào hệ thống đăng ký giao dịch trong thời gian giao dịch của TTGDCK theo thứ tự ưu tiên về thời gian.

4. Trong trường hợp cần thiết, TTGDCK quyết định thay đổi hoặc bổ sung phương thức giao dịch đối với từng loại chứng khoán sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 15. Xác lập và huỷ bỏ giao dịch

1. Giao dịch chứng khoán được xác lập khi hệ thống đăng ký giao dịch thực hiện ghi nhận giao dịch theo phương thức thoả thuận, ngoại trừ có quy định khác do UBCKNN ban hành.

2. Bên mua và bên bán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch chứng khoán đã được xác lập.

3. Trong trường hợp giao dịch đã được xác lập ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các nhà đầu tư hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, TTGDCK có thể quyết định sửa hoặc huỷ bỏ giao dịch và báo cáo UBCKNN về việc sửa hoặc huỷ bỏ giao dịch trên.

Điều 16. Ký quỹ giao dịch

1. Khi đặt lệnh bán chứng khoán, nhà đầu tư phải có đủ số lượng chứng khoán đặt bán trên tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại thành viên.

2. Khi đặt lệnh mua chứng khoán, nhà đầu tư thực hiện ký quỹ tiền giao dịch theo mức thoả thuận với thành viên và phải đảm bảo khả năng thanh toán giao dịch đúng thời hạn quy định.

Điều 17. Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chỉ được phép mở một tài khoản giao dịch chứng khoán tại một công ty chứng khoán. Trường hợp nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch chứng khoán niêm yết thì có thể dùng ngay tài khoản này để thực hiện giao dịch chứng khoán đăng ký giao dịch.

2. Nhà đầu tư không được phép đồng thời vừa mua vừa bán cùng một loại cổ phiếu trong một ngày giao dịch.

3. Trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán và tài khoản tiền tại thành viên lưu ký là ngân hàng thương mại được UBCKNN cấp phép hoạt động lưu ký thì phải đặt lệnh giao dịch chứng khoán qua thành viên hệ thống đăng ký giao dịch và thanh toán giao dịch tại thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư có tài khoản chứng khoán.

Điều 18. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

1. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
2. TTGDCK hướng dẫn thủ tục tham gia giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 19. Đơn vị giao dịch

Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch chứng khoán của tổ chức đăng ký giao dịch. Khối lượng giao dịch tối thiểu là mười (10) cổ phiếu hoặc mười (10) trái phiếu.

Điều 20. Đơn vị yết giá

1. Đơn vị yết giá quy định đối với cổ phiếu là 100 đồng.
2. Không quy định đơn vị yết giá đối với trái phiếu.

Điều 21. Mệnh giá chứng khoán

1. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/cổ phiếu.
2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng)/trái phiếu.
3. Trường hợp công ty đại chúng có chứng khoán với mệnh giá khác với mệnh giá quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì phải tiến hành chuyển đổi mệnh giá trước khi đăng ký giao dịch.

Điều 22. Giới hạn dao động giá

Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch:

1. Đối với giao dịch cổ phiếu là $\pm 10\%$. Biên độ này có thể được UBCKNN quyết định thay đổi tùy theo tình hình thị trường.
2. Không áp dụng biên độ dao động giá đối với giao dịch trái phiếu.

Điều 23. Giá tham chiếu

1. TTGDCK tính toán và công bố giá tham chiếu hàng ngày của các chứng khoán đăng ký giao dịch.
2. Giá tham chiếu của cổ phiếu đang giao dịch là bình quân gia quyền của các giá giao dịch thỏa thuận điện tử của ngày có giao dịch gần nhất.
3. Trường hợp cổ phiếu mới đăng ký giao dịch, trong ngày giao dịch đầu tiên, TTGDCK chỉ nhận lệnh giao dịch thỏa thuận điện tử và không áp dụng biên độ dao động giá. Nếu trong ngày giao dịch đầu tiên không có giá thực hiện thì giá tham chiếu sẽ được xác định trong ngày giao dịch kế tiếp cho đến khi giá giao dịch được xác lập trên hệ thống.
4. Trường hợp giao dịch cổ phiếu không hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thỏa thuận điện

từ của ngày có giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị các quyền kèm theo.

5. Trường hợp tách, gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thoả thuận điện tử của ngày có giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.

6. Các trường hợp khác do TTGDCK quyết định sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 24. Thời hạn hiệu lực của lệnh

Lệnh chào mua, chào bán thoả thuận điện tử có hiệu lực kể từ khi lệnh được nhập vào hệ thống đăng ký giao dịch cho đến khi kết thúc thời gian giao dịch trên hệ thống đăng ký giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị huỷ bỏ.

Điều 25. Sửa, hủy lệnh trong thời gian giao dịch

1. Nhà đầu tư được phép sửa hoặc hủy lệnh chào mua, chào bán thoả thuận điện tử. Đại diện giao dịch sửa hoặc hủy lệnh thoả thuận điện tử cho khách hàng theo quy trình sửa, hủy lệnh giao dịch thoả thuận do TTGDCK quy định.

2. Giao dịch thoả thuận đã thực hiện trên hệ thống không được phép huỷ bỏ.

3. Trong thời gian giao dịch, trường hợp đại diện giao dịch nhập sai giao dịch thoả thuận của nhà đầu tư, đại diện giao dịch được phép sửa giao dịch thoả thuận nhưng phải xuất trình lệnh gốc của nhà đầu tư, phải được bên đối tác giao dịch chấp thuận việc sửa đó và được TTGDCK chấp thuận việc sửa giao dịch thoả thuận. Việc sửa giao dịch thoả thuận của thành viên phải tuân thủ quy trình sửa giao dịch thoả thuận do TTGDCK ban hành.

Điều 26. Xử lý lỗi sau giao dịch

Sau khi kết thúc thời gian giao dịch, nếu thành viên phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống đăng ký giao dịch, thành viên đó phải báo cáo TTGDCK về lỗi giao dịch và chịu trách nhiệm giải quyết với nhà đầu tư về lỗi giao dịch của mình.

Việc xử lý lỗi sau giao dịch được thực hiện theo nguyên tắc loại bỏ kết quả giao dịch của các giao dịch lỗi. Trong một số trường hợp đặc biệt, TTGDCK và TTLKCK xem xét việc cho phép thành viên thực hiện sửa lỗi giao dịch.

Thành viên phải tuân thủ quy trình xử lý lỗi sau giao dịch do TTGDCK và TTLKCK ban hành.

Điều 27. Bồi thường thiệt hại phát sinh do lỗi giao dịch

1. Thành viên gây ra giao dịch lỗi bị TTLKCK huỷ bỏ kết quả thanh toán phải bồi thường thiệt hại cho thành viên đối ứng.

2. Mức bồi thường do giao dịch lỗi gây ra do hai bên thành viên là đối tác trong giao dịch lỗi tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị của giao dịch lỗi.

Mục 3

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Công bố thông tin của Tổ chức đăng ký giao dịch

1. Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng nêu tại Mục II Thông tư số 38/2007/TT-BTC. Tổ chức đăng ký giao dịch chịu trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định, đồng thời gửi văn bản qua fax, qua bưu điện và văn bản điện tử theo địa chỉ thư điện tử tới TTGDCK.

2. Đối với các thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, tổ chức đăng ký giao dịch phải báo cáo và nộp đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan cho TTGDCK ít nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin phải công bố trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc bảy mươi hai (72) giờ, tổ chức đăng ký giao dịch phải gửi ngay thông tin trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc bảy mươi hai (72) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện để TTGDCK công bố, đồng thời tổ chức đăng ký giao dịch chịu trách nhiệm công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định.

4. Tổ chức đăng ký giao dịch có trách nhiệm công bố thông tin trong vòng hai mươi bốn (24) giờ khi nhận được báo cáo theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 29. Công bố thông tin của Thành viên

1. Thành viên thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty chứng khoán nêu tại Mục V Thông tư số 38/2007/TT-BTC.

2. Thành viên có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin cho khách hàng về chứng khoán đăng ký giao dịch, tổ chức đăng ký giao dịch và tình hình giao dịch tại TTGDCK, bao gồm cả thông tin giao dịch trực tuyến trên các phương tiện công bố thông tin của công ty mình.

3. Thành viên có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin về chứng khoán giao dịch, về tổ chức đăng ký giao dịch, về các thông tin công bố của các cơ quan quản lý và về các quy định liên quan đến giao dịch của TTGDCK trên các phương tiện công bố thông tin của công ty mình ngay sau khi nhận được thông tin từ tổ chức đăng ký giao dịch, UBCKNN và TTGDCK.

4. Tổ chức cam kết hỗ trợ có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình những thông tin công bố của Công ty đại chúng do mình cam kết hỗ trợ.

Điều 30. Công bố thông tin của TTGDCK

TTGDCK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với TTGDCK nêu tại Mục VIII Thông tư số 38/2007/TT-BTC.

Điều 31. Báo cáo của cổ đông tổ chức đăng ký giao dịch

1. Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát và người có liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức đăng ký giao dịch và người có liên quan có ý định giao dịch cổ phiếu của chính tổ chức đăng ký giao dịch phải báo cáo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký giao dịch và TTGDCK chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Báo cáo của cổ đông lớn

a) Tổ chức, cá nhân và nhóm người có liên quan trở thành cổ đông lớn của tổ chức đăng ký giao dịch phải báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn cho TTGDCK trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Tổ chức, cá nhân và nhóm người có liên quan là cổ đông lớn của tổ chức đăng ký giao dịch có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành phải báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn cho TTGDCK trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về số cổ phiếu sở hữu theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Báo cáo của cổ đông sáng lập

a) Chậm nhất một (01) ngày trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập phải gửi báo cáo cho TTGDCK về việc giao dịch của cổ đông sáng lập trong đó nêu rõ người chuyển nhượng và mã tài khoản giao dịch, người nhận chuyển nhượng và mã tài khoản giao dịch, thời hạn dự kiến giao dịch, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp chuyển nhượng cho người không phải cổ đông sáng lập.

b) Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo bằng văn bản cho TTGDCK về kết quả giao dịch, trong đó nêu rõ khối lượng giao dịch, người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng, thời gian giao dịch. Nếu giao dịch không được thực hiện, cổ đông sáng lập phải báo cáo lý do với TTGDCK bằng văn bản trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. TTGDCK ban hành các quy chế và quy trình nghiệp vụ phù hợp với quy định của Quy chế này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.


KI. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Trần Xuân Hà

PHỤ LỤC Ia:

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Cổ phiếu:... *(tên cổ phiếu)*

Kính gửi: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Giới thiệu về công ty đại chúng đề nghị đăng ký giao dịch:

1. Tên tổ chức đề nghị đăng ký giao dịch *(đầy đủ)*:
2. Tên giao dịch:.....
3. Vốn điều lệ:
4. Địa chỉ trụ sở chính:.....
5. Điện thoại: Fax:.....
6. Nơi mở tài khoản:..... Số hiệu tài khoản:.....
7. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do cấp ngày... hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: do cấp ngày.....
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:.....
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:.....
 - Tổng mức vốn kinh doanh:.....

II. Cổ phiếu đăng ký giao dịch:

1. Tên cổ phiếu:.....
2. Loại cổ phiếu:.....
3. Mệnh giá cổ phiếu:.....đồng
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch:.....cổ phiếu

5. Thời gian dự kiến giao dịch:.....

III. Giới thiệu về công ty chứng khoán thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch.

Tên công ty chứng khoán:.....

Tên viết tắt:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Được chấp thuận là thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định sốngày....

IV. Cam kết của công ty chứng khoán thực hiện đăng ký giao dịch:

Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại. Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, những Quy chế, quy định của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. Hồ sơ kèm theo:

1. Hợp đồng cam kết hỗ trợ.
2. Giấy chứng nhận của Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu của tổ chức đó đã đăng ký lưu ký tập trung.
3. Bản công bố thông tin của doanh nghiệp.
4. Các tài liệu khác (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

(tên tổ chức cam kết hỗ trợ thực hiện đăng ký giao dịch)

Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC Ib:

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI
CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Trái phiếu:... *(tên trái phiếu)*

Kính gửi: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Giới thiệu về công ty đại chúng đề nghị đăng ký giao dịch:

1. Tên tổ chức đề nghị đăng ký giao dịch *(đầy đủ)*:
2. Tên giao dịch:.....
3. Vốn điều lệ:
4. Địa chỉ trụ sở chính:.....
5. Điện thoại: Fax:.....
6. Nơi mở tài khoản:..... Số hiệu tài khoản:.....
7. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do cấp ngày... hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: do cấp ngày.....
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:.....
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:.....
 - Tổng mức vốn kinh doanh:.....

II. Trái phiếu chuyển đổi đăng ký giao dịch:

1. Tên trái phiếu chuyển đổi:.....
2. Loại trái phiếu:.....
3. Thời hạn trái phiếu:.....năm
4. Lãi suất:.....

5. Kỳ hạn trả lãi:.....
6. Thời hạn chuyển đổi:.....
7. Mệnh giá trái phiếu:.....đồng
8. Số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch:.....trái phiếu
9. Thời gian dự kiến giao dịch:.....

III. Giới thiệu về công ty chứng khoán thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch.

Tên công ty chứng khoán:.....

Tên viết tắt:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Được chấp thuận là thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định sốngày....

IV. Cam kết của công ty chứng khoán thực hiện đăng ký giao dịch:

Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người sở hữu trái phiếu chịu thiệt hại. Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, những Quy chế, quy định của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. Hồ sơ kèm theo:

1. Hợp đồng cam kết hỗ trợ.
2. Giấy chứng nhận của Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc trái phiếu của tổ chức đó đã đăng ký lưu ký tập trung.
3. Bản công bố thông tin của doanh nghiệp.
4. Các tài liệu khác (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

(tên tổ chức cam kết hỗ trợ thực hiện đăng ký giao dịch)

Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC II:

MẪU BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

(trang bìa)

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY: ABC

(Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc GPTL&HD số .. do...cấp ngày ...tháng...năm...)

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU
TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

(Đăng ký giao dịch số: .../ĐKGD do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Phụ trách công bố thông tin:.....

Họ tên:

Số điện thoại:

CÔNG TY: ABC

(Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc GPTL&HĐ số do.... cấp, ngày ...tháng ...năm)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu/trái phiếu:.....

Loại cổ phiếu/trái phiếu:.....

Thời gian đáo hạn (đối với trái phiếu):.....

Lãi suất (đối với trái phiếu):.....

Kỳ trả lãi (đối với trái phiếu):.....

Mệnh giá:.....

Tổng số lượng đăng ký giao dịch:.....

Tổng giá trị đăng ký giao dịch (theo mệnh giá):.....

Tổ chức Kiểm toán (nếu có):

Công ty (ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch):

Tổ chức cam kết hỗ trợ:

Công ty (ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch):

MỤC LỤC

<i>Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký giao dịch</i>	Trang
<i>Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin</i>	
Các khái niệm	
<i>Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký giao dịch</i>	
<i>Chứng khoán đăng ký giao dịch</i>	
<i>Các đối tác liên quan tới việc đăng ký giao dịch</i>	
Phụ lục	

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

(Phân tích rõ ảnh hưởng của các nhân tố rủi ro đến giá cả chứng khoán đăng ký giao dịch)

1. Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng :

- 1.1. Rủi ro về kinh tế:
- 1.2. Rủi ro về luật pháp:
- 1.3. Rủi ro đặc thù (ngành, công ty, lĩnh vực hoạt động):
- 1.4. Rủi ro khác:

2. Đối với tổ chức tín dụng:

- 2.1. Rủi ro về lãi suất:
- 2.2. Rủi ro về tín dụng:
- 2.3. Rủi ro về ngoại hối:
- 2.4. Rủi ro về thanh toán:
- 2.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng:
- 2.6. Rủi ro luật pháp:
- 2.7. Rủi ro khác:

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch:

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc/Tổng Giám đốc

Ông/Bà: Chức vụ: Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc

Ông/Bà: Chức vụ: Kế toán trưởng/Giám đốc Tài chính

Ông/Bà: Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ:

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:

Chức vụ:

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do (tên tổ chức cam kết hỗ trợ) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với (tên tổ chức đăng ký giao dịch). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do (tên tổ chức đăng ký giao dịch) cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong bản cáo bạch cần phải định nghĩa)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

2. Cơ cấu tổ chức công ty (và cơ cấu trong tập đoàn nếu có) (thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải):

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty (thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải):

4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ).

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch:

6. Hoạt động kinh doanh:

6.1. Sản phẩm dịch vụ chính:

6.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh:

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm liền trước năm đăng ký giao dịch:

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng: Tổng giá trị tài sản			

Doanh thu thuần			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất):

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo (Nêu rõ những nhân tố tác động chính đến tình hình kinh doanh của công ty trong năm báo cáo. Trường hợp tình hình kinh doanh của công ty giảm sút, cần giải trình rõ nguyên nhân):

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

- Vị thế của công ty trong ngành:
- Triển vọng phát triển của ngành:
- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:

9. Chính sách đối với người lao động:

- Số lượng người lao động trong công ty:
- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, . . .:

10. Chính sách cổ tức (trong trường hợp cổ phiếu - nêu rõ tỷ lệ cổ tức trong hai năm gần nhất và các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức):

11. Tình hình hoạt động tài chính :

11.1. Đối với các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:

11.1.1 Các chỉ tiêu cơ bản (trong năm gần nhất):

– Trích khấu hao TSCĐ (theo đúng chế độ quy định? có thay đổi gì trong chính sách khấu hao?):

- Mức lương bình quân (so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn?):
- Thanh toán các khoản nợ đến hạn (có thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ không?):
- Các khoản phải nộp theo luật định (có thực hiện theo luật định?):
- Trích lập các quỹ theo luật định (có đúng theo Điều lệ và luật định?):
- Tổng dư nợ vay (ghi rõ nợ quá hạn, tổng dư nợ bảo lãnh (nếu có), quá hạn ngắn hạn hay trung hạn và dài hạn, nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, khả năng thu hồi:)
- Tình hình công nợ hiện nay (tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả):

11.1.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tuỳ theo từng ngành):

Các chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			

<ul style="list-style-type: none"> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần 			
--	--	--	--

11.2. Đối với tổ chức tín dụng:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ			
- Tổng tài sản có			
- Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay			
- Khả năng thanh toán chung			

(Tính toán các hệ số trên áp dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc xếp loại các tổ chức tín dụng).

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

- Danh sách (Tên, tuổi, số CMND):

- Sơ yếu lý lịch, bao gồm các nội dung sau:

+ Chức vụ hiện tại, chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác, các công tác đã trải qua, bằng cấp;

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch;

+ Các khoản nợ đối với công ty (nếu có);

+ Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có);

+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có).

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty):

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo:

Chỉ tiêu	Năm X+1	
	đồng	% tăng giảm so với năm X
Doanh thu thuần (hoặc Doanh số cho vay đối với tổ chức tín dụng)		
Lợi nhuận sau thuế		
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		
Cổ tức		

– Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

– Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...):

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có):

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán:

2. Mệnh giá:

3. Tổng số chứng khoán ĐKGD:

4. Phương pháp tính giá:

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

6. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán đăng ký giao dịch):

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

(Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính và giới thiệu sơ bộ các đối tác có liên quan đến đăng ký giao dịch: đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức kiểm toán, tư vấn...)

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty.
- 3. Phụ lục III:** Biên bản xác định giá trị tài sản *(nếu có)*.
- 4. Phụ lục IV:** Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng,... *(nếu có)*.
- 5. Phụ lục V:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch.
- 6. Phụ lục VI:** Các báo cáo tài chính.
- 7. Phụ lục VII:** Báo cáo về những tranh chấp pháp luật *(nếu có)*.
- 8. Các phụ lục khác** *(nếu có)*.

PHỤ LỤC III:
MẪU BÁO CÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, THÀNH VIÊN BAN
KIỂM SOÁT, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

*(Ban hành kèm theo Quy chế Tổ chức và Quản lý giao dịch chứng khoán công ty
đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

**BÁO CÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA... (thành viên Hội đồng
quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát,
người có liên quan)**

1. Tên người thực hiện giao dịch:
2. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức):
3. Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch:
4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu đang nắm giữ:
5. Tài khoản thực hiện giao dịch:
6. Quan hệ giữa người thực hiện giao dịch và người có liên quan:
7. Tên của người có liên quan:
8. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người có liên quan:
9. Chức vụ hoặc công việc của người có liên quan hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch:
10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ:
11. Số lượng cổ phiếu giao dịch:
12. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu sẽ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
13. Mục đích thực hiện giao dịch:
14. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch.

....., ngày tháng..... năm...

Người báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC IV:

MẪU BÁO CÁO SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và quản lý giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Kính gửi: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Công ty đại chúng

1. Tên nhà đầu tư cá nhân/tổ chức:
2. Nếu là nhà đầu tư cá nhân:
 - Năm sinh: Quốc tịch:
 - Số CMTND/Hộ chiếu: cấp ngày tại
 - Nghề nghiệp:
 - Nơi cư trú:
3. Nếu là nhà đầu tư tổ chức:
 - Số chứng nhận đăng ký kinh doanh:
 - Ngành nghề kinh doanh:
 - Địa chỉ:
4. Điện thoại liên hệ: Fax:
5. Tên chứng khoán đã tiến hành mua:
6. Số hiệu tài khoản giao dịch (nếu có):
7. Số lượng cổ phiếu đã mua:
8. Tên của người có liên quan (đang nắm giữ cổ phiếu trên):
9. Mối quan hệ của người liên quan với người/tổ chức thực hiện giao dịch:
10. Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu (Số chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu là tổ chức) của người có liên quan:

11. Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có):

12. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ:

13. Tỷ lệ phần trăm cổ phiếu nắm giữ hoặc cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

.....,ngày thángnăm...

Người báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

